

THÔNG TƯ

Quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về:

1. Thành lập, chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước của tổ chức tài chính vi mô; mở, chấm dứt hoạt động tại điểm giao dịch của tổ chức tài chính vi mô.

2. Thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô; thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô.

3. Chuyển đổi các đơn vị trực thuộc chương trình, dự án tài chính vi mô thành chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện của tổ chức tài chính vi mô.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức tài chính vi mô.

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập, chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp; mở, chấm dứt hoạt động tại điểm giao dịch; thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp; thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch; chuyển đổi đơn vị trực thuộc chương trình, dự án tài chính vi mô thành chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện của tổ chức tài chính vi mô.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô bao gồm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước.

2. Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của tổ chức tài chính vi mô, có con dấu, có nhiệm vụ thực hiện một hoặc một số chức năng của tổ chức tài chính vi mô theo quy định nội bộ và quy định của pháp luật.

3. Phòng giao dịch là loại hình chi nhánh, đơn vị phụ thuộc của tổ chức tài chính vi mô, được quản lý bởi một chi nhánh của tổ chức tài chính vi mô, có con dấu, có địa điểm đặt trụ sở trên địa bàn hoạt động của chi nhánh quản lý, có nhiệm vụ thực hiện một hoặc một số chức năng của tổ chức tài chính vi mô theo quy định nội bộ và quy định của pháp luật.

4. Văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của tổ chức tài chính vi mô, có con dấu, thực hiện chức năng đại diện theo ủy quyền của tổ chức tài chính vi mô. Văn phòng đại diện không được thực hiện hoạt động kinh doanh.

5. Đơn vị sự nghiệp là đơn vị phụ thuộc của tổ chức tài chính vi mô, có con dấu, thực hiện một hoặc một số hoạt động hỗ trợ hoạt động kinh doanh của tổ chức tài chính vi mô theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

6. Thời điểm đề nghị là ngày, tháng, năm ghi trên văn bản đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô.

Điều 4. Thẩm quyền chấp thuận về mạng lưới của tổ chức tài chính vi mô

1. Thẩm quyền của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

a) Chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô;

b) Bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô;

c) Chấp thuận chuyển đổi các đơn vị trực thuộc chương trình, dự án tài chính vi mô thành chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện của tổ chức tài chính vi mô.

2. Thẩm quyền của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

a) Chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô trên địa bàn (bao gồm cả trường hợp thay đổi địa điểm trước khi khai trương hoạt động);

b) Chấp thuận việc tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô.

Điều 5. Quy định về điểm giao dịch

1. Tổ chức tài chính vi mô quyết định và chịu trách nhiệm về việc mở, chấm dứt hoạt động tại điểm giao dịch do chi nhánh, phòng giao dịch quản lý trong phạm vi địa bàn hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch đó theo Quy chế quản lý hoạt động tại điểm giao dịch và quy định tại Thông tư này. Việc mở, chấm dứt hoạt động tại điểm giao dịch phải được thông báo cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi điểm giao dịch hoạt động trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức tài chính vi mô quyết định mở hoặc chấm dứt hoạt động tại điểm giao dịch.

2. Chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô chỉ được thực hiện một hoặc một số hoạt động sau tại điểm giao dịch:

a) Nghiên cứu, tìm hiểu, giới thiệu khách hàng;

b) Tư vấn, hướng dẫn việc thành lập nhóm khách hàng tiết kiệm và vay vốn;

c) Tư vấn, hướng dẫn cho khách hàng về các sản phẩm, dịch vụ, hồ sơ vay vốn; tiếp nhận hồ sơ vay vốn; giải ngân và thu nợ đối với những hợp đồng tín dụng đã ký giữa chi nhánh hoặc phòng giao dịch với khách hàng;

d) Nhận tiết kiệm bắt buộc, tiết kiệm tự nguyện của một khách hàng tài chính vi mô không quá 1.000.000 đồng trong 01 ngày;

đ) Chi trả tiết kiệm bắt buộc, tiết kiệm tự nguyện của khách hàng tài chính vi mô.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc đầu tiên của tháng đầu tiên hàng quý, tổ chức tài chính vi mô hoặc chi nhánh của tổ chức tài chính vi mô gửi văn bản thông báo danh sách các điểm giao dịch qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại trụ sở Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở chi nhánh của tổ chức tài chính vi mô. Văn bản thông báo danh sách các điểm giao dịch phải có tối thiểu các nội dung sau:

a) Danh sách các điểm giao dịch hoạt động tại địa bàn tỉnh, thành phố tính đến hết ngày làm việc cuối cùng của quý trước, trong đó có các thông tin về tên chi nhánh, phòng giao dịch chịu trách nhiệm quản lý hoạt động điểm giao dịch và địa điểm nơi điểm giao dịch hoạt động;

b) Danh sách các điểm giao dịch đã mở và chấm dứt hoạt động trong quý trước.

Điều 6. Nội dung hoạt động của đơn vị sự nghiệp

Đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô thực hiện một hoặc một số hoạt động hỗ trợ hoạt động kinh doanh của tổ chức tài chính vi mô, bao gồm:

1. Nghiên cứu, đề xuất ứng dụng công nghệ cho tổ chức tài chính vi mô.
2. Đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ thuật cho người điều hành, lãnh đạo các phòng, ban và nhân viên của tổ chức tài chính vi mô.
3. Lưu trữ cơ sở dữ liệu, thu thập, xử lý thông tin phục vụ hoạt động kinh doanh của tổ chức tài chính vi mô.
4. Các hoạt động khác hỗ trợ hoạt động kinh doanh của tổ chức tài chính vi mô phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Địa bàn hoạt động và tên chi nhánh, phòng giao dịch

1. Chi nhánh của tổ chức tài chính vi mô hoạt động trong phạm vi địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở của chi nhánh.
2. Phòng giao dịch hoạt động trong phạm vi địa bàn hoạt động của chi nhánh quản lý.
3. Tên chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô phải đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan và được đặt như sau:
 - a) Tên chi nhánh: Tên đầy đủ của Tổ chức tài chính vi mô – Chi nhánh (tên chi nhánh);
 - b) Tên phòng giao dịch: Tên đầy đủ của Tổ chức tài chính vi mô – Chi nhánh (tên chi nhánh quản lý phòng giao dịch) – Phòng giao dịch (tên Phòng giao dịch).
4. Trường hợp thay đổi địa giới hành chính dẫn đến thay đổi địa bàn hoạt động của chi nhánh hoặc phòng giao dịch, thay đổi địa chỉ của trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch (không thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch), tổ chức tài chính vi mô không phải điều chỉnh theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Tổ chức tài chính vi mô có văn bản thông báo gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh) về việc thay đổi này trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi địa giới hành chính.

Điều 8. Số lượng chi nhánh

Số lượng chi nhánh của tổ chức tài chính vi mô bao gồm số chi nhánh đã thành lập và số chi nhánh đang đề nghị thành lập phải đảm bảo:

$$03 \text{ tỷ đồng} * N < C$$

Trong đó:

- C là giá trị thực của vốn điều lệ của tổ chức tài chính vi mô được xác định bằng vốn điều lệ cộng (trừ) lợi nhuận lũy kế chưa phân phối (lỗ lũy kế chưa xử lý) được phản ánh trên sổ sách kế toán đến thời điểm gần nhất với thời điểm đề nghị;

- N là số chi nhánh đã thành lập và đề nghị thành lập.

Điều 9. Nguyên tắc lập, gửi hồ sơ, thông báo

1. Hồ sơ phải được lập bằng tiếng Việt. Các tài liệu trong hồ sơ phải là bản chính hoặc bản sao từ sổ gốc, bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu. Trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính. Trong mỗi bộ hồ sơ phải có danh mục tài liệu.

2. Văn bản đề nghị, thông báo của tổ chức tài chính vi mô phải do người đại diện hợp pháp của tổ chức tài chính vi mô ký. Trường hợp ký theo ủy quyền, hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Hồ sơ, thông báo của tổ chức tài chính vi mô được gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại trụ sở Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.

Điều 10. Quy chế quản lý chi nhánh, phòng giao dịch, điểm giao dịch

1. Tổ chức tài chính vi mô phải xây dựng Quy chế quản lý chi nhánh, phòng giao dịch, Quy chế quản lý hoạt động tại điểm giao dịch để đảm bảo hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch và hoạt động tại điểm giao dịch an toàn, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Quy chế quản lý chi nhánh, phòng giao dịch phải do Hội đồng thành viên của tổ chức tài chính vi mô ban hành và phải có tối thiểu các nội dung sau:

a) Hạn mức giao dịch đối với từng cấp quản lý tại chi nhánh, phòng giao dịch theo từng sản phẩm dịch vụ hoặc nhóm sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng;

b) Cơ chế quản lý, giám sát và chế độ thông tin, báo cáo giữa trụ sở chính với chi nhánh và giữa phòng giao dịch với chi nhánh quản lý phòng giao dịch;

c) Tiêu chuẩn, điều kiện đối với chức danh Giám đốc chi nhánh, Trưởng phòng giao dịch hoặc các chức danh tương đương phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo đủ năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu công việc;

d) Quy định về kho quỹ, phòng cháy, chữa cháy, điều chuyển tiền và lưu trữ chứng từ để đảm bảo an ninh, an toàn tài sản, trong đó quy định cụ thể mức tồn quỹ cuối ngày của chi nhánh, phòng giao dịch căn cứ vào điều kiện thực tiễn hoạt động và điều kiện an ninh, an toàn của chi nhánh, phòng giao dịch đó. Số

tiền tồn quỹ cuối ngày vượt mức quy định phải gửi vào tài khoản ngân hàng của tổ chức tài chính vi mô.

3. Quy chế quản lý hoạt động tại điểm giao dịch phải do Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tài chính vi mô ban hành và phải có tối thiểu các nội dung sau:

a) Các tiêu chí lựa chọn điểm giao dịch phù hợp với đặc thù hoạt động, đảm bảo kiểm soát rủi ro, an toàn và hiệu quả trong quá trình hoạt động;

b) Việc mở, chấm dứt hoạt động tại điểm giao dịch bao gồm trình tự, thủ tục và thẩm quyền quyết định mở, chấm dứt hoạt động tại điểm giao dịch, trong đó có phân cấp, ủy quyền quyết định (nếu có);

c) Phạm vi hoạt động tại điểm giao dịch, trong đó quy định cụ thể về hạn mức giao dịch tại từng điểm giao dịch theo từng sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng;

d) Quy trình thực hiện các giao dịch nhận, chi trả tiền gửi tiết kiệm, tiếp nhận hồ sơ, giải ngân, thu nợ vay, quyền và trách nhiệm của nhân viên tổ chức tài chính vi mô tại điểm giao dịch;

đ) Các biện pháp đảm bảo an toàn đối với con người; đảm bảo an ninh, an toàn trong việc điều chuyển tiền, chứng từ và các tài sản khác trong quá trình hoạt động tại điểm giao dịch.

4. Tổ chức tài chính vi mô phải rà soát định kỳ các Quy chế quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này tối thiểu một năm một lần và sửa đổi, bổ sung (nếu cần thiết) đảm bảo phù hợp với hoạt động trong từng thời kỳ.

Chương II

THÀNH LẬP CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP

Điều 11. Điều kiện thành lập chi nhánh

1. Tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị thành lập) được thành lập không quá 03 chi nhánh trong năm tài chính khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có giá trị thực vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập không thấp hơn mức vốn pháp định;

b) Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập của năm trước liền kề năm đề nghị và theo báo cáo tài chính gần nhất tính đến thời điểm đề nghị;

c) Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động;

d) Tuân thủ các quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính vi mô tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị;

đ) Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;

e) Tuân thủ quy định của pháp luật về số lượng và cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát. Chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tài chính vi mô không bị khuyết quá 06 tháng liền kề trước thời điểm đề nghị;

g) Có Đề án thành lập đảm bảo các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư này;

h) Đảm bảo số lượng chi nhánh theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

2. Tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động dưới 12 tháng (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị thành lập) được thành lập không quá 02 chi nhánh trong năm tài chính khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị không thấp hơn mức vốn pháp định;

b) Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;

c) Các quy định tại các điểm c, d, e, g, h khoản 1 Điều này.

Điều 12. Điều kiện thành lập phòng giao dịch

Tổ chức tài chính vi mô được thành lập phòng giao dịch khi đáp ứng các điều kiện sau:

1. Các điều kiện quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 1 Điều 11 Thông tư này.

2. Chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có thời gian hoạt động tối thiểu 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị;

b) Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;

c) Một chi nhánh không được quản lý quá 05 phòng giao dịch.

Điều 13. Điều kiện thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

Tổ chức tài chính vi mô được thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp khi đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị.

2. Các điều kiện quy định tại điểm a, c, d, e khoản 1 Điều 11 Thông tư này.

3. Có đề án thành lập đảm bảo các nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư này.

Điều 14. Hồ sơ đề nghị chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô

1. Văn bản của tổ chức tài chính vi mô đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp theo mẫu Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Nghị quyết hoặc Quyết định của Hội đồng thành viên về việc thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

3. Đề án thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, trong đó phải có tối thiểu các nội dung sau:

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt, tên viết tắt bằng tiếng Việt; địa chỉ trụ sở, nội dung hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô;

b) Cơ cấu tổ chức của chi nhánh, phòng giao dịch; dự kiến nhân sự chủ chốt (Giám đốc chi nhánh, Trưởng phòng giao dịch, cán bộ kế toán và các chức danh chủ chốt khác theo quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô);

c) Tên, địa chỉ trụ sở của chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch (đối với trường hợp thành lập phòng giao dịch);

d) Phân tích môi trường kinh doanh (cơ hội, thách thức, điểm mạnh, điểm yếu); đối tượng khách hàng và sản phẩm dự kiến cung cấp;

đ) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu hoạt động, trong đó tối thiểu bao gồm: dự kiến bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, căn cứ xây dựng phương án và thuyết minh khả năng thực hiện phương án trong từng năm.

4. Đề án thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trong đó phải có tối thiểu các nội dung sau:

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt, tên viết tắt bằng tiếng Việt; địa chỉ, nội dung hoạt động của văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô;

b) Lý do thành lập;

c) Dự kiến nhân sự chủ chốt (Người đứng đầu văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, cán bộ kế toán và các nhân sự chủ chốt khác theo quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô);

d) Kế hoạch hoạt động dự kiến trong năm đầu hoạt động.

5. Các tài liệu chứng minh việc đáp ứng các điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp quy định tại Điều 11, Điều 12 và Điều 13, trừ tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Thông tư này.

Điều 15. Trình tự chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô

1. Tổ chức tài chính vi mô lập 01 bộ hồ sơ tương ứng với từng loại hình mạng lưới theo quy định tại Điều 14 Thông tư này gửi Ngân hàng Nhà nước.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi tổ chức tài chính vi mô xác nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Tổ chức tài chính vi mô bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Quá thời hạn này mà không bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, tổ chức tài chính vi mô phải gửi lại hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này để Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận.

3. Đối với đề nghị thành lập chi nhánh, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:

a) Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở chi nhánh về đề nghị thành lập chi nhánh của tổ chức tài chính vi mô;

b) Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản gửi lấy ý kiến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở chi nhánh về đề nghị thành lập chi nhánh của tổ chức tài chính vi mô.

4. Đối với đề nghị thành lập phòng giao dịch, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản lấy ý kiến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở phòng giao dịch về việc đáp ứng các điều kiện theo quy định của Thông tư này đối với chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch trên địa bàn.

5. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước, các đơn vị quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này có ý kiến tham gia bằng văn bản về các nội dung được đề nghị.

6. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ các ý kiến tham gia của các đơn vị tại khoản 5 Điều này hoặc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận việc tổ chức tài chính vi mô thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

7. Trong thời hạn 60 ngày (đối với đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch) hoặc 45 ngày (đối với đề nghị thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp) kể từ ngày xác nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản

chấp thuận đề nghị của tổ chức tài chính vi mô; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

8. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận thành lập quy định tại khoản 7 Điều này, tổ chức tài chính vi mô phải khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp; quá thời hạn này mà không khai trương hoạt động thì văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước đương nhiên hết hiệu lực.

Điều 16. Chuyển đổi đơn vị trực thuộc chương trình, dự án tài chính vi mô

1. Việc chuyển đổi chương trình, dự án tài chính vi mô thành tổ chức tài chính vi mô bao gồm cả việc chuyển đổi các đơn vị trực thuộc chương trình, dự án tài chính vi mô thành chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện của tổ chức tài chính vi mô và không áp dụng các điều kiện quy định tại Điều 11, Điều 12 và Điều 13 Thông tư này.

2. Chương trình, dự án tài chính vi mô khi thực hiện chuyển đổi thành tổ chức tài chính vi mô phải có văn bản đề nghị chấp thuận việc chuyển đổi các đơn vị trực thuộc chương trình, dự án tài chính vi mô thành chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện của tổ chức tài chính vi mô. Văn bản đề nghị phải có tối thiểu các nội dung sau:

- a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt, tên viết tắt bằng tiếng Việt của chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện;
- b) Địa chỉ trụ sở của chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện.

Điều 17. Khai trương hoạt động

1. Tổ chức tài chính vi mô khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch (bao gồm cả chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô được cấp Giấy phép trên cơ sở chuyển đổi đơn vị trực thuộc của chương trình, dự án tài chính vi mô) khi đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Đã đăng ký hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch theo quy định của pháp luật và công bố thông tin theo quy định tại Điều 18 Thông tư này;
- b) Có quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch; trụ sở có đủ điều kiện bảo đảm an toàn tài sản và phù hợp với yêu cầu hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch;
- c) Có kho tiền hoặc kết quỹ đảm bảo an toàn theo quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô;
- d) Có hệ thống công nghệ thông tin kết nối giữa trụ sở chính với chi nhánh, phòng giao dịch, giữa chi nhánh quản lý với phòng giao dịch đảm bảo an toàn, bảo mật và yêu cầu báo cáo, thống kê;

d) Có đủ nhân sự chủ chốt tối thiểu, gồm: Giám đốc chi nhánh, Trưởng phòng giao dịch, cán bộ kế toán và đội ngũ cán bộ nghiệp vụ theo quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô;

e) Giám đốc chi nhánh đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô. Trưởng phòng giao dịch đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô;

g) Có Quy chế quản lý chi nhánh, phòng giao dịch đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này.

2. Tổ chức tài chính vi mô khai trương hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp (bao gồm cả văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô được cấp Giấy phép trên cơ sở chuyển đổi đơn vị trực thuộc chương trình, dự án tài chính vi mô) khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đã đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật (đối với trường hợp khai trương hoạt động văn phòng đại diện);

b) Có quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp;

c) Có nhân sự chủ chốt theo quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô.

3. Tổ chức tài chính vi mô phải gửi Quy chế quản lý chi nhánh, phòng giao dịch; văn bản thông báo về ngày dự kiến khai trương hoạt động và việc đáp ứng các yêu cầu khai trương hoạt động quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tới Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chậm nhất 15 ngày trước ngày dự kiến khai trương hoạt động.

4. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô được cấp Giấy phép trên cơ sở chuyển đổi đơn vị trực thuộc của chương trình, dự án tài chính vi mô khai trương hoạt động cùng thời điểm khai trương hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.

5. Các đơn vị trực thuộc chương trình, dự án tài chính vi mô chuyển đổi thành chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện của tổ chức tài chính vi mô phải khai trương hoạt động trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận về mạng lưới hoạt động; quá thời hạn này mà không khai trương hoạt động thì tổ chức tài chính vi mô phải xây dựng Phương án xử lý để đảm bảo chấm dứt hoạt động của các đơn vị không khai trương hoạt động trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày hết hạn khai trương hoạt động gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.

Điều 18. Công bố thông tin về việc thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

Trong thời hạn 07 ngày làm việc trước ngày dự kiến khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp (bao gồm cả trường hợp chuyển đổi các đơn vị trực thuộc chương trình, dự án tài

chính vi mô thành chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện của tổ chức tài chính vi mô), tổ chức tài chính vi mô phải thực hiện công bố thông tin về việc thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tài chính vi mô (nếu có), một tờ báo viết hàng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử của Việt Nam.

Chương III

THAY ĐỔI TÊN, ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP; THAY ĐỔI CHI NHÁNH QUẢN LÝ PHÒNG GIAO DỊCH

Điều 19. Thay đổi tên chi nhánh, phòng giao dịch

Tổ chức tài chính vi mô quyết định việc thay đổi tên chi nhánh, phòng giao dịch phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Thông tư này và có văn bản thông báo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thay đổi.

Điều 20. Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch

1. Tổ chức tài chính vi mô chỉ được thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch trong phạm vi địa bàn quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 Thông tư này và địa điểm dự kiến thay đổi phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại điểm b, c và d khoản 1 Điều 17 Thông tư này.

2. Hồ sơ đề nghị thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch:

a) Văn bản của tổ chức tài chính vi mô đề nghị chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung: địa điểm hiện tại, địa điểm dự kiến chuyển đến, lý do chuyển địa điểm, kế hoạch chuyển trụ sở để đảm bảo tính liên tục trong hoạt động;

b) Nghị quyết hoặc Quyết định của Hội đồng thành viên về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch.

3. Trình tự chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch:

a) Tổ chức tài chính vi mô lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản chấp

thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Tổ chức tài chính vi mô có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về ngày dự kiến hoạt động tại địa điểm được chấp thuận và việc đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này chậm nhất 15 ngày làm việc trước ngày dự kiến hoạt động tại địa điểm được chấp thuận.

5. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản chấp thuận, chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô phải hoạt động tại địa điểm đã được chấp thuận; quá thời hạn này mà không hoạt động tại địa điểm mới thì văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đương nhiên hết hiệu lực.

Điều 21. Thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

1. Tổ chức tài chính vi mô quyết định việc thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Tổ chức tài chính vi mô có văn bản thông báo gửi Ngân hàng Nhà nước về việc thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

Điều 22. Thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch

1. Tổ chức tài chính vi mô quyết định việc thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch. Chi nhánh dự kiến tiếp nhận quản lý phòng giao dịch phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư này.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch, tổ chức tài chính vi mô có văn bản thông báo gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, trong đó báo cáo cụ thể việc đáp ứng các điều kiện đối với chi nhánh quản lý phòng giao dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư này.

Điều 23. Công bố thông tin về các nội dung thay đổi

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp (bao gồm cả trường hợp chuyển đổi các đơn vị trực thuộc chương trình, dự án tài chính vi mô thành chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện của tổ chức tài chính vi mô) hoặc trong thời hạn 07 ngày làm việc trước ngày dự kiến hoạt động tại địa điểm mới, tổ chức tài chính vi mô thực hiện công bố trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh và tổ chức tài chính vi mô (nếu có), một tờ báo viết hàng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử của Việt Nam.

Chương IV

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, GIẢI THỂ CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP

Điều 24. Chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

1. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp chấm dứt hoạt động, giải thể trong các trường hợp sau:

- a) Đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể;
- b) Tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể;
- c) Bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể.

2. Tổ chức tài chính vi mô chịu trách nhiệm:

a) Giải quyết tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp chấm dứt hoạt động, giải thể theo quy định của pháp luật;

b) Lưu trữ chứng từ, tài liệu, hồ sơ của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp chấm dứt hoạt động, giải thể và các văn bản liên quan đến việc chấm dứt hoạt động, giải thể;

c) Thực hiện các thủ tục pháp lý chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

1. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể trong trường hợp tổ chức tài chính vi mô chấm dứt hoạt động, giải thể.

2. Thủ tục đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

1. Hồ sơ tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch:

a) Văn bản của tổ chức tài chính vi mô đề nghị chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, trong đó nêu rõ: lý do chấm dứt hoạt động, giải thể; tên, địa chỉ của chi nhánh, phòng giao dịch chấm dứt hoạt động, giải thể và cam kết giải quyết các tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, phòng giao dịch chấm dứt hoạt động, giải thể;

b) Nghị quyết hoặc Quyết định của Hội đồng thành viên tổ chức tài chính vi mô về việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch;

c) Phương án giải quyết các tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, phòng giao dịch chấm dứt hoạt động, giải thể.

2. Trình tự chấp thuận việc tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch:

a) Tổ chức tài chính vi mô lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;

b) Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản chấp thuận đề nghị của tổ chức tài chính vi mô; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, tổ chức tài chính vi mô phải tiến hành các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật để chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch và có văn bản thông báo tới Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về kết quả thực hiện và ngày chấm dứt hoạt động, giải thể.

4. Tổ chức tài chính vi mô quyết định việc tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, tổ chức tài chính vi mô có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước trong đó nêu rõ lý do, ngày chấm dứt hoạt động, giải thể.

Điều 27. Bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

1. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô bị bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể khi có bằng chứng chứng minh hồ sơ đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp có thông tin sai sự thực dẫn đến đánh giá sai về việc đáp ứng đủ điều kiện thành lập.

2. Khi phát hiện trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước đề nghị chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô, trong đó nêu rõ lý do đề nghị.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo quy định tại khoản 2 Điều này hoặc trong quá trình thanh tra, giám sát phát hiện trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Cơ quan Thanh tra,

giám sát ngân hàng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

4. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, tổ chức tài chính vi mô phải hoàn tất việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và có văn bản thông báo Ngân hàng Nhà nước thời điểm cụ thể và kết quả chấm dứt hoạt động, giải thể.

5. Trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, tổ chức tài chính vi mô phải có phương án xử lý phòng giao dịch do chi nhánh đó quản lý đó để đảm bảo tuân thủ quy định tại Thông tư này.

Điều 28. Công bố thông tin về việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, tổ chức tài chính vi mô phải thực hiện niêm yết công khai tại trụ sở chính, trụ sở đơn vị chấm dứt hoạt động, giải thể, trụ sở chi nhánh quản lý phòng giao dịch (trường hợp chấm dứt hoạt động phòng giao dịch) và công bố thông tin về việc chấm dứt hoạt động, giải thể trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tài chính vi mô (nếu có), một tờ báo viết hàng ngày của trung ương, địa phương trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử của Việt Nam.

2. Nội dung công bố, niêm yết công khai tối thiểu bao gồm:

- a) Tên, địa chỉ của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp chấm dứt hoạt động, giải thể;
- b) Ngày chấm dứt hoạt động, giải thể;
- c) Trách nhiệm của tổ chức tài chính vi mô về tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp chấm dứt hoạt động, giải thể.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Trách nhiệm của tổ chức tài chính vi mô

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của các thông tin, tài liệu cung cấp tại hồ sơ.

2. Kịp thời thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến việc đáp ứng điều kiện, hồ sơ theo quy định tại Thông tư này phát

sinh trong thời gian Ngân hàng Nhà nước đang xem xét đề nghị của tổ chức tài chính vi mô.

Điều 30. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh

1. Tiếp nhận hồ sơ, chấp thuận đối với các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

2. Chỉ đạo, giám sát, kiểm tra tổ chức tài chính vi mô trong việc thực hiện Phương án xử lý theo quy định tại khoản 5 Điều 17 Thông tư này.

3. Tiếp nhận báo cáo, thông báo của tổ chức tài chính vi mô theo quy định tại Thông tư này.

4. Phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến tổ chức, hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô trên địa bàn.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản chấp thuận theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này hoặc từ ngày nhận được thông báo của tổ chức tài chính vi mô theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước thông tin về các nội dung sau:

- a) Việc khai trương chi nhánh, phòng giao dịch;
- b) Việc thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch;
- c) Việc thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch;
- d) Việc tự nguyện chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch.

Điều 31. Trách nhiệm của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng

1. Đầu mỗi tiếp nhận, thẩm định và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận đối với các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

2. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến tổ chức và hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô trên địa bàn.

3. Tiếp nhận báo cáo, thông báo của Ngân hàng nhà nước chi nhánh và tổ chức tài chính vi mô theo quy định tại Thông tư này.

Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

2. Tổ chức tài chính vi mô không phải điều chỉnh theo quy định tại Điều 8 và điểm c khoản 2 Điều 12 Thông tư này đối với các chi nhánh và phòng giao dịch đã được thành lập trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Thông tư số 08/2009/TT-NHNN ngày 28 tháng 4 năm 2009 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

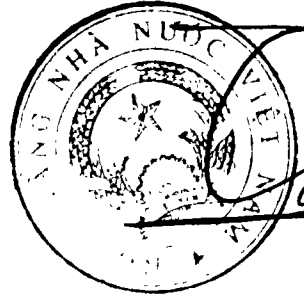
Điều 33. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./. *đn*

Nơi nhận:

- Như Điều 33;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ; ✓
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra); ✓
- Công báo;
- Lưu: VP, PC, TTGSNH3 (3). *me*

NT **THÔNG ĐỐC**
PHÓ THÔNG ĐỐC



Đào Minh Tú

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2019/TT-NHNN ngày 05/11/2019
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng năm.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THÀNH LẬP CHI NHÁNH/PHÒNG GIAO DỊCH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

Tổ chức tài chính vi mô đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thành lập chi nhánh/phòng giao dịch/văn phòng đại diện/đơn vị sự nghiệp như sau:

I. Đơn vị mạng lưới đề nghị thành lập

1. Thành lập chi nhánh:

1.1. Tên chi nhánh:

a. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt; tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có).

b. Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có); tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có).

1.2. Địa điểm đặt trụ sở chi nhánh.

2. Thành lập phòng giao dịch:

2.1. Tên phòng giao dịch:

a. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt; tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có).

b. Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có); tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có).

2.2. Địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch.

2.3. Tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch.

3. Thành lập đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện:

3.1. Tên đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện;

3.2. Địa điểm đặt trụ sở đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện.

II. Đánh giá việc tổ chức tài chính vi mô đáp ứng từng điều kiện để được thành lập chi nhánh/phòng giao dịch/văn phòng đại diện/đơn vị sự nghiệp:

A. Đối với điều kiện thành lập chi nhánh:

1. Đối với tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

1.1. Có giá trị thực vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập không thấp hơn mức vốn pháp định.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 năm là.....

- Mức vốn pháp định quy định hiện hành đối với tổ chức tài chính vi mô:.....

1.2 Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và theo báo cáo tài chính gần nhất tính đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Lợi nhuận sau thuế theo báo cáo tài chính nămđã được kiểm toán độc lập:

- Kết quả kinh doanh tại thời điểm.....là.....(trong đó nêu rõ thu nhập, chi phí).

1.3. Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.4. Tuân thủ các quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính vi mô tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu tại thời điểm.....là.....%;

- Tỷ lệ khả năng chi trả tại thời điểm.....là.....%;

1.5. Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm 31 tháng 12 nămlà....%

- Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm.....là....%

1.6. Tuân thủ quy định của pháp luật về số lượng và cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát. Chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tài chính vi mô không bị khuyết quá 06 tháng liền kề trước thời điểm đề nghị:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Hội đồng thành viên nhiệm kỳ:.....

STT	Họ và tên	Chức danh (Chủ tịch, thành viên)
-----	-----------	----------------------------------

1.		
2.		
...		

- Ban kiểm soát nhiệm kỳ:...

STT	Họ và tên	Chức danh (Trưởng ban, thành viên, thành viên chuyên trách)
1.		
2.		
...		

- Họ và tên Tổng giám đốc (Giám đốc):...

(Trường hợp khuyết chức danh Tổng giám đốc/Giám đốc: Đề nghị nêu rõ thời điểm khuyết chức danh và lý do).

1.7. Có Đề án thành lập theo quy định:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.8. Đảm bảo quy định về số lượng chi nhánh:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Số lượng chi nhánh hiện có:.....

- Số lượng chi nhánh đề nghị thành lập:.....

- Giá trị thực của Vốn điều lệ được phản ánh trên sổ sách kế toán đến thời điểm ...là....

2. Đối với tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động dưới 12 tháng kể từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

2.1. Có giá trị thực vốn điều lệ tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị không thấp hơn mức vốn pháp định.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm...là.....

- Mức vốn pháp định quy định hiện hành đối với tổ chức tài chính vi mô:.....

2.2. Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm...là...%

2.3. Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2.4. Tuân thủ các quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính vi mô tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu tại thời điểm.....là.....%;

- Tỷ lệ khả năng chi trả tại thời điểm.....là.....%;

2.5. Tuân thủ quy định của pháp luật về số lượng và cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát. Chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tài chính vi mô không bị khuyết quá 06 tháng liên tiếp trước thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Hội đồng thành viên nhiệm kỳ:...

STT	Họ và tên	Chức danh (Chủ tịch, thành viên)
1.		
2.		
...		

- Ban kiểm soát nhiệm kỳ:...

STT	Họ và tên	Chức danh (Trưởng ban, thành viên, thành viên chuyên trách)
1.		
2.		
...		

- Họ và tên Tổng giám đốc (Giám đốc):...

(Trường hợp khuyết chức danh Tổng giám đốc/Giám đốc: Đề nghị nêu rõ thời điểm khuyết chức danh và lý do).

2.6. Có Đề án thành lập theo quy định:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2.7. Đảm bảo quy định về số lượng chi nhánh:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Số lượng chi nhánh hiện có:.....

- Số lượng chi nhánh đề nghị thành lập:.....

- Giá trị thực của Vốn điều lệ được phản ánh trên sổ sách kế toán đến thời điểm ...là...

B. Đối với điều kiện thành lập phòng giao dịch:

1. Điều kiện thành lập phòng giao dịch:

1.1. Có giá trị thực vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập không thấp hơn mức vốn pháp định.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 năm....là....

- Mức vốn pháp định quy định hiện hành đối với tổ chức tài chính vi mô:.....

1.2 Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và theo báo cáo tài chính gần nhất tính đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Lợi nhuận sau thuế theo báo cáo tài chính năm ...đã được kiểm toán độc lập là....

- Kết quả kinh doanh tại thời điểm.....là.....(trong đó nêu rõ thu nhập, chi phí).

1.3. Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.4. Tuân thủ các quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính vi mô tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu tại thời điểm.....là.....%;

- Tỷ lệ khả năng chi trả tại thời điểm.....là.....%;

1.5. Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm 31 tháng 12 năm ...là....%

- Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm.....là.....%

1.6. Tuân thủ quy định của pháp luật về số lượng và cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát. Chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tài chính vi mô không bị khuyết quá 06 tháng liền kề trước thời điểm đề nghị:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Hội đồng thành viên nhiệm kỳ:.....

STT	Họ và tên	Chức danh (Chủ tịch, thành viên)
-----	-----------	----------------------------------

1.		
2.		
...		

- Ban kiểm soát nhiệm kỳ:....

STT	Họ và tên	Chức danh (Trưởng ban, thành viên, thành viên chuyên trách)
1.		
2.		
...		

- Họ và tên Tổng giám đốc (Giám đốc):...

(Trường hợp khuyết chức danh Tổng giám đốc/Giám đốc: Đề nghị nêu rõ thời điểm khuyết chức danh Tổng giám đốc và lý do).

1.7. Có Đề án thành lập theo quy định:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2. Điều kiện đối với chi nhánh quản lý phòng giao dịch:

2.1. Có thời gian hoạt động tối thiểu 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Ngày khai trương hoạt động chi nhánh:.....

- Thời điểm đề nghị:

2.2. Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm 31 tháng 12 năm...là....%

- Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm.....là.....%

2.3. Một chi nhánh không được quản lý quá 05 phòng giao dịch.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Số lượng phòng giao dịch chi nhánh đang quản lý:....

- Số lượng phòng giao dịch dự kiến chi nhánh sẽ quản lý:

C. Điều kiện thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp:

1.1. Có giá trị thực vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập không thấp hơn mức vốn pháp định.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 năm.....là....

- Mức vốn pháp định quy định hiện hành đối với tổ chức tài chính vi mô:.....

1.2. Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.3. Tuân thủ các quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính vi mô tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu tại thời điểm.....là.....%;

- Tỷ lệ khả năng chi trả tại thời điểm.....là.....%;

1.4. Tuân thủ quy định của pháp luật về số lượng và cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát. Chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tài chính vi mô không bị khuyết quá 06 tháng liên tiếp trước thời điểm đề nghị:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Hội đồng thành viên nhiệm kỳ:.....

STT	Họ và tên	Chức danh (Chủ tịch, thành viên)
1.		
2.		
...		

- Ban kiểm soát nhiệm kỳ:....

STT	Họ và tên	Chức danh (Trưởng ban, thành viên, thành viên chuyên trách)
1.		
2.		
...		

- Họ và tên Tổng giám đốc (Giám đốc):...

(Trường hợp khuyết chức danh Tổng giám đốc/Giám đốc: Đề nghị nêu rõ thời điểm khuyết chức danh và lý do).

1.5. Có Đề án thành lập theo quy định:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

III. Người đại diện hợp pháp của tổ chức tài chính vi mô cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu cung cấp tại hồ sơ này.

- Kịp thời thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến việc đáp ứng điều kiện, hồ sơ theo quy định tại Thông tư này phát sinh

trong thời gian Ngân hàng Nhà nước đang xem xét đề nghị của tổ chức tài chính vi mô.

Đính kèm hồ sơ

(Ghi danh mục tài liệu đính kèm)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA TỔ
CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ**

(Ký, ghi rõ tên, chức danh và đóng dấu)

3M

du